

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày 19/5/2023

V/v ly hôn, tranh chấp

về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

2. Ông Võ Văn Nhân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Trúc T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Xóm , thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Phan Văn A, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Xóm , thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T, anh A có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2022 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/12/2022; bản tự khai ngày 03/04/2023, 08/01/2023, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/4/2023, nguyên đơn chị Dương Thị Trúc T trình bày:

Chị và anh Phan Văn A tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã Nghĩa T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do tính tình không hợp nhau, vợ chồng không cùng quan điểm

sống, anh A thường xuyên gây gổ vô cớ, đánh đập vợ con, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân được 2 năm, không ai quan tâm đến ai, phần ai nấy sống. Nay xét thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn, chị không còn tình cảm với anh A, không muốn quay về đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Văn A.

Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng chị có 01 con chung tên là cháu Phan Dương Khánh L, sinh ngày 14/12/2015. Hiện cháu L đang sống với anh A. Khi ly hôn, chị T yêu cầu Tòa án giao cháu L cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng; không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại công việc chính của chị là làm công nhân tại công ty TNHH giải pháp đóng gói thông minh INTBOX ở Thành phố Hồ Chí Minh, lương cơ bản bình quân một tháng của chị bao gồm phụ cấp khoảng 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/02/2023, bản tự khai ngày 03/04/2023, 08/01/2023, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/4/2023, bị đơn Phan Văn A trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng, anh và chị tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã Nghĩa T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống với nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung tên là cháu Phan Dương Khánh L, sinh ngày 14/12/2015. Hiện cháu L đang sống với anh tại Thôn Đ, xã N. Anh đang làm nghề sơn nước, thu nhập 1 tháng khoảng trên 10.000.000 đồng. Khi ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giao cháu L cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh A trình bày vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 14/02/2023, Hội phụ nữ xã N thể hiện: Vào tháng 12 năm 2022, chị T có yêu cầu Hội phụ nữ xã đến nhà anh Phan Văn A tìm hiểu thông tin về anh A và cháu Phan Dương Khánh L tại thời điểm đó anh A và cháu L không có ở nhà. *Tại biên bản xác minh ngày 20/4/2023, tại Nhà của anh A sinh sống có Hội phụ nữ xã N, bà Đoàn Thị Thanh V:* Hiện tại cháu L đang ở với anh A và cha mẹ ruột an A. Anh A đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. Hiện tại cháu L không đi học tại trường nào (vì đang có tranh chấp nuôi con) nhưng gia đình vẫn dạy cháu học. Anh A làm nghề sơn nước có thu nhập khoảng 500.000 đồng ngày.

Tại bản tự khai cháu Phan Dương Khánh L, cháu có nguyện vọng muốn ở với anh A.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi HĐXX vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đề nghị tuyên xử: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Trúc T và anh Phan Văn A; giao con chung Phan Dương Khánh L cho anh A tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung đều trình bày không có nên đề nghị không xét. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Nguyên đơn yêu cầu “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Dương Thị Trúc T và anh Phan Văn A tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 8 năm 2017 là hôn nhân hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Trong quá trình chung sống chị T và anh A bất đồng quan điểm, không hoà hợp trong tình cảm; giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm không còn, không thể hiện được sự yêu thương, chăm sóc và không cùng nhau chia sẻ công việc, xây dựng gia đình. Tòa án mở phiên hòa giải để chị T, anh A hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng chị T và anh A thuận tình ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh A.

[2.3] Chị T, anh A có con chung Phan Dương Khánh L, sinh ngày 14/12/2015, anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Xét

thấy: tại thời điểm xét xử, anh A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L, cháu L có nguyện vọng được ở với anh A. Nơi ở hiện tại của cháu L đối diện trường Tiểu học Châu P. Chị T đang sinh sống và ở trọ tại thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, căn cứ vào điều kiện hiện tại của anh A, chị T, HĐXX xét giao cháu Phan Dương Khánh L cho anh Phan Văn A được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.5] Tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T được quyền đến thăm và chăm sóc con chung không ai ngăn cản chị thực hiện quyền này.

[2.6] Về tài sản chung, nợ chung: Các anh chị trình bày không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị Trúc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; áp dụng Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 55, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Trúc T và anh Phan Văn A.

2. Về con chung:

- Giao con chung Phan Dương Khánh L, sinh ngày 14/12/2015 cho anh Phan Văn A tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khi có lý do chính đáng, chị T, anh A có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thị Trúc T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004750 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Dương Thị Trúc T, anh Phan Văn A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/5/2023).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM-
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa---**

Trương Thanh Hòa

